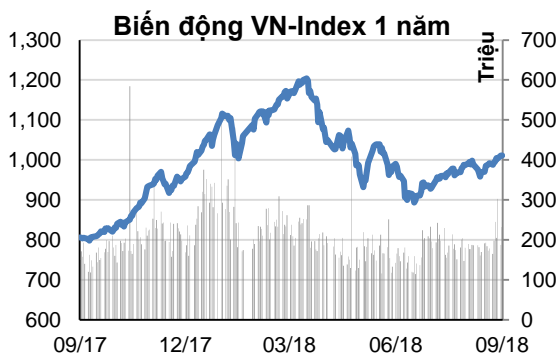


Biến động thị trường

	25/09	1T (%)	3T (%)
VN Index	1,011	2.4%	2.0%
GTGD	4,975	(Tỷ đồng)	
Khối ngoại mua ròng	82	(Tỷ đồng)	

Nguồn: Bloomberg-Finpro



Thanh khoản gia tăng

- Thị trường chứng khoán rung lắc khi áp lực chốt lời xuất hiện trong phiên chiều. Chỉ số VN-Index hầu như không thay đổi khi đóng cửa ở mức 1,010.74 điểm. Thanh khoản gia tăng đạt 198 triệu cổ phiếu khớp lệnh tương ứng 3,923 tỷ đồng giá trị.
- Trên sàn HSX, độ rộng thị trường tỏ ra tích cực khi có 159 mã tăng và 118 mã giảm. VN30-Index điều chỉnh nhẹ 0.05% trong khi VNMid-Index và VNSmall-Index có được sự phục hồi 0.69% và 0.62%.
- Dầu khí trở thành nhóm cổ phiếu dẫn dắt xu hướng chung khi các ông lớn PVD, PVT và PVS đi lên. Thêm vào đó, một số cổ phiếu trong VN30 như CII, DPM, HSG, NVL, VRE và PNJ có sự bứt phá giúp thị trường tránh được phiên giảm sâu.
- Chiều ngược lại, lực bán xuất hiện trên ngành ngân hàng làm VCB, CTG, MBB và ACB đi xuống. Một số mã bluechip (BMP, REE và CTD) cũng có diễn biến không tốt.
- Khối ngoại mua ròng với giá trị 82 tỷ đồng trên HSX. VRE, HPG và KBC được mua vào nhiều nhất với giá trị lần lượt là 46.2 tỷ đồng, 13.5 tỷ đồng và 11.2 tỷ đồng. Chiều ngược lại, nhóm này bán mạnh VJC, DXG và PGC.

Nhận định thị trường: Mặc dù thị trường suy yếu nhưng xu hướng tăng trong ngắn hạn vẫn được duy trì. Vì thế, nhà đầu tư vẫn có thể nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu ở mức cao trong danh mục và tập trung vào các mã đang dẫn dắt thị trường.

Trái phiếu và Hàng hóa

	25-09	1T	3T
Lãi suất TPCP 1 năm	4.065%	4.175%	2.263%
Lãi suất TPCP 3 năm	4.250%	4.525%	3.055%
Lãi suất TPCP 10 năm	5.000%	5.200%	4.813%
Dầu WTI (\$/thùng)	72.53	68.72	68.08
Gold (\$/oz)	1,200	1,206	1,266

Nguồn: Bloomberg

Dự phóng LNDN của KISVN

	2017	TTM	2018E	2019E
Tăng trưởng LNDN (%)	25.6%	26.4%	20.8%	18.7%
PER Forward (x)	18.4	20.3	17.3	14.6

Phạm Tấn Phát

(+84 8) 3914 8585 - Ext: 1468

Phat.pt@kisvn.vn

www.kisvn.vn

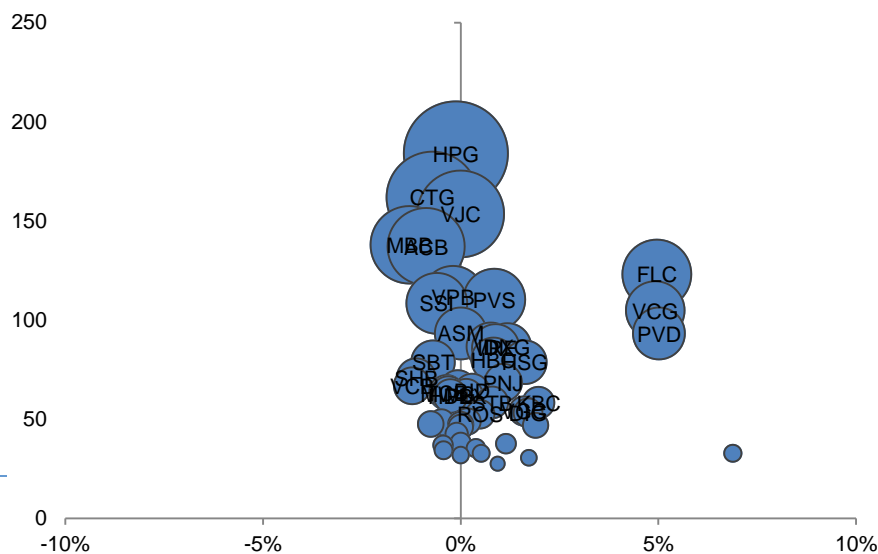
Trần Trương Mạnh Hiếu

(+84 28) 3914 8585 - Ext: 1464

Hieu.ttm@kisvn.vn

www.kisvn.vn

Bản đồ giao dịch



Chú thích: trục ngang – biến động giá, trục dọc – giá trị giao dịch (tỷ đồng)

Phân tích kỹ thuật

VN-Index

Hỗ trợ 1: 990-995

Kháng cự 1: 1,030-1,040

Hỗ trợ 2: 970-980

Kháng cự 2: 1,060-1,080

Quan điểm kỹ thuật 20 ngày



VN-Index rung lắc kỹ thuật với mẫu hình nến Spinning Top, đây là mẫu hình nến trung tính. Khối lượng khớp lệnh gia tăng vượt trung 10 phiên gần nhất cho thấy lực cung có phần áp đảo trong phiên hôm nay và hàm ý khả năng các nhịp rung lắc có thể xảy ra. Tuy nhiên, đường giá duy trì khá chắc chắn trên MA(5) và MA(10) (vùng 1,000-1,005 điểm) và 2 đường MA ngắn hạn kể trên sẽ đóng vai trò hỗ trợ cho nhịp điều chỉnh.

Ở góc độ ngắn hạn (20 ngày), VN-Index đang đi lên theo kênh giá tăng được vẽ từ đầu tháng 07/2018 cho thấy xu hướng của VN-Index đang là tăng điểm và xu hướng tăng vẫn đang hình thành và phát triển. Các chỉ báo kỹ thuật đồng thuận tín hiệu tăng với RSI đi lên mạnh trong khi MACD cắt lên đường Signal. Vùng cản trước mắt cho chỉ số nằm tại MA(200) tương ứng quanh 1,024 điểm.

Ở góc độ trung hạn, VN-Index đang đi ngang kể từ cuối tháng 05/2018 với mẫu hình sóng Flat (đánh dấu A-B-C) với sóng C dự kiến đang hình thành với vùng giá mục tiêu quanh 1,024-1,040 điểm.

Hành động

VN-Index vẫn đang tiếp diễn xu hướng tăng. Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ các cổ phiếu có xung lực tốt với dòng tiền tham gia tích cực. Các nhịp giảm điều chỉnh vẫn được đánh là cơ hội gia tăng tỷ trọng cổ phiếu đang sẵn có

Thống kê thị trường

SÀN GIAO DỊCH HSX

				Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)	Thống kê tăng/giảm					
VN-Index		1,011		-0.55	-0.1%	SL CP tăng giá		159			
KLGD ('000 cổ phiếu)		231,985		45,262	24.2%	SL CP giảm giá		118			
GTGD (tỷ VND)		4,975		588	13.4%	SL CP không đổi		88			
Top 5 cổ phiếu Leader				Top 5 cổ phiếu Laggard				Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)			
Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	VND	Điểm		VND	VND	Điểm		VND	triệu cp	tỷ đồng
NVL	65,100	1,000	0.29	VCB	64,400	-800	-0.907	HPG	41,250	4.48	184.0
VRE	39,850	350	0.21	VHM	102,400	-500	-0.422	CTG	27,800	5.79	161.9
GAS	118,000	200	0.12	CTG	27,800	-200	-0.235	VJC	152,100	1.01	153.5
PVD	19,900	950	0.12	MBB	22,900	-300	-0.204	MBB	22,900	5.97	137.9
VHC	96,000	3,800	0.11	BVH	97,000	-700	-0.155	FLC	6,350	19.60	123.1
Top 5 Ngành Tăng				Top 5 Ngành Giảm							
Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index		Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index					
	%	Điểm			%	Điểm					
Y Tế	1.3%	0.13		Tài chính	-0.6%	-1.58					
Năng lượng	0.6%	0.20		CNTT	-0.4%	-0.04					
Nguyên vật liệu	0.5%	0.24		Khác	-0.1%	0.00					
TD không thiết yếu	0.2%	0.07									
TD thiết yếu	0.2%	0.09									

SÀN GIAO DỊCH HNX

				Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)	Thống kê tăng/giảm					
HNX-Index		116		-0.07	-0.1%	SL CP tăng giá		112			
KLGD ('000 cổ phiếu)		59,242		10,622	21.8%	SL CP giảm giá		69			
GTGD (tỷ VND)		792		193	32.3%	SL CP không đổi		192			
Top 5 cổ phiếu Leader				Top 5 cổ phiếu Laggard				Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)			
Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	VND	Điểm		VND	VND	Điểm		VND	triệu cp	tỷ đồng
VGC	19,100	300	0.06	ACB	34,000	-300	-0.39	ACB	34,000	4.00	137.1
VCG	19,200	900	0.06	SHB	8,800	-100	-0.11	PVS	23,800	4.59	110.3
TV2	130,900	11,900	0.06	NVB	8,800	-200	-0.06	VCG	19,200	5.52	104.8
PVS	23,800	200	0.05	DNP	14,700	-700	-0.03	SHB	8,800	8.04	70.8
TNG	17,700	1,200	0.04	PTI	19,000	-1,100	-0.02	VGC	19,100	2.83	54.1
Top 5 Ngành Tăng				Top 5 Ngành Giảm							
Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index		Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index					
	%	Điểm			%	Điểm					
Khác	33.7%	0.00		Tài chính	-0.9%	-0.58					
TD thiết yếu	13.2%	0.02									
Công nghiệp	7.8%	0.26									
TD không thiết yếu	6.1%	0.06									
Năng lượng	4.6%	0.11									

Giao dịch khối ngoại

HOSE

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
VRE	39,850	46.6	0.4	46.2
HPG	41,250	41.5	28.0	13.5
KBC	12,950	11.7	0.4	11.2
BMP	62,200	10.5	0.0	10.5
SBT	21,350	7.7	0.0	7.6

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
VJC	152,100	0.2	12.8	-12.6
DXG	30,000	5.9	12.8	-6.9
PGC	14,200	0.0	6.3	-6.3
DIG	17,950	0.2	5.4	-5.3
TDH	11,750	0.0	5.0	-5.0

HNX

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

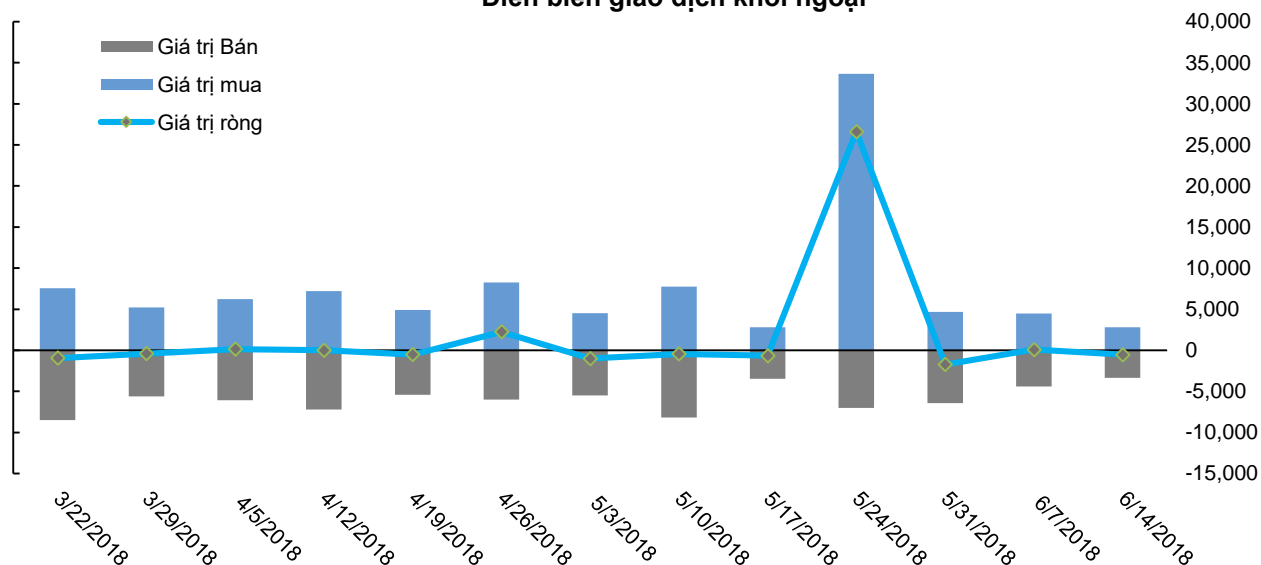
Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
SHB	8,800	1.2	0.1	1.1
NTP	51,600	0.8	0.0	0.8
SHS	16,600	0.8	0.0	0.7
PVS	23,800	0.9	0.2	0.7
CDN	15,800	0.4	0.0	0.4

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
VGC	19,100	0.0	13.1	-13.1
TIG	3,100	0.5	8.9	-8.4
VCS	97,200	0.2	2.9	-2.8
PVB	23,400	0.0	1.9	-1.9
CEO	14,200	0.0	1.7	-1.7

(VNDbn)

Diễn biến giao dịch khối ngoại



Thị trường phái sinh

Quan điểm kỹ thuật VN30-Index

Hỗ trợ 1: 970

Kháng cự 1: 990

Hỗ trợ 2: 940

Kháng cự 2: 1,010



Nhận định xu hướng: VN30-Index có phiên chứng lại với mẫu hình nến Doji cho thấy cung cầu cân bằng. Không có nhiều thay đổi khi quan điểm kỹ thuật về chỉ số vẫn đang là tăng điểm và xu hướng tăng đang là chủ đạo.

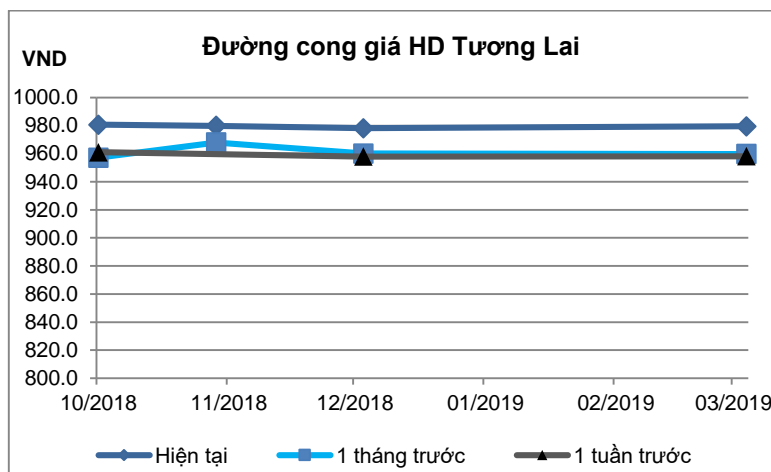
Các chỉ báo xung lực giá và xu hướng như RSI và MACD xác nhận tín hiệu tăng giá khi RSI đi lên trong khi MACD cho tín hiệu mua trở lại. Tuy nhiên, chỉ số có thể hình thành các nhịp tăng giảm đang xen với vùng hỗ trợ quan trọng quanh 965-970 điểm. Kháng cự trước mắt cho chỉ số quanh 990-1,000 điểm.

Chiến lược đầu tư:

-Long VN30F1810 ở nhịp điều chỉnh với điểm vào kỳ vọng của chúng tôi quanh 972-975 điểm. Mục tiêu 990 điểm. Dừng lỗ khi giá thủng hoàn toàn ngưỡng 968 điểm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	KLGD	KL Mờ	Ngày thanh toán cuối cùng	Thời gian còn lại
	Đơn vị: Điểm	Điểm	%	cp/hợp đồng	hợp đồng		ngày
VN30 Index	985	-0.5	0.0%	55,248,400			
VN30F1810	981	-0.9	-0.1%	62,209	13,283	18/10/2018	25
VN30F1811	980	-2.2	-0.2%	101	118	15/11/2018	53
VN30F1812	978	-3.9	-0.4%	38	568	20/12/2018	88
VN30F1903	980	-2.4	-0.2%	34	210	21/03/2019	179



DANH SÁCH CP CHỈ SỐ VN30

Mã CP	Tên	Ngành	Tỷ trọng	Giá đóng cửa	Vốn hóa	PER	PBR	KLGD 3 tháng	SH Nước Ngoài	Cao 52 Tuần	Thấp 52 Tuần
		Đơn vị:	%	VND	Tỷ VND	x	x	'000 cp	%	VND	VND
BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	Công nghiệp	0.4%	56,800	4,650	10.1	2.0	158	75%	98,800	51,200
CII	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Công nghiệp	0.9%	26,300	6,436	#N/A N/A	1.3	609	56%	39,500	24,200
CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Cotecccons	Công nghiệp	1.3%	164,000	12,839	8.1	1.7	198	43%	244,900	120,400
CTG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Tài chính	1.8%	26,050	96,995	12.5	1.4	5,692	30%	38,250	18,300
DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	Chăm sóc sức khỏe	0.8%	91,600	11,976	22.7	4.1	214	46%	118,900	83,700
DPM	Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Nguyên vật liệu	0.5%	17,400	6,809	12.0	0.9	663	20%	26,600	16,100
FPT	Công ty Cổ phần FPT	CNTT	3.9%	43,300	26,567	8.5	2.3	923	49%	56,957	38,500
GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Dịch vụ tiện ích	1.8%	100,100	191,586	17.3	4.4	603	4%	136,400	63,500
GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	Công nghiệp	0.8%	26,650	7,913	4.3	1.3	517	20%	39,473	23,000
HPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Nguyên vật liệu	9.0%	38,600	81,983	9.2	2.2	5,815	39%	48,429	24,857
HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	Nguyên vật liệu	0.5%	10,600	4,080	5.7	0.8	3,051	20%	27,136	9,318
KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.7%	30,600	6,293	#N/A N/A	1.0	135	21%	45,800	28,900
MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	Tài chính	5.0%	22,750	49,150	10.8	1.7	6,010	20%	31,471	17,815

MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.2%	93,000	97,952	17.3	5.8	746	29%	118,000	47,600
MWG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Hàng tiêu dùng thiết yếu	4.5%	116,300	37,549	13.7	5.0	650	49%	138,600	98,000
NVL	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản	3.7%	63,600	57,714	25.1	4.1	1,330	9%	78,800	44,580
PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Năng lượng	1.4%	67,000	77,640	20.7	4.1	646	11%	95,500	51,800
PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	Hàng tiêu dùng thiết yếu	2.0%	97,500	15,809	19.1	4.7	512	49%	138,733	68,000
REE	Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh	Công nghiệp	1.1%	34,800	10,790	6.5	1.3	462	49%	44,750	29,150
ROS	Công ty Cổ phần Xây dựng FLC FAROS	Công nghiệp	1.1%	40,650	23,073	29.5	4.0	936	2%	187,500	37,600
SAB	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Hàng tiêu dùng thiết yếu	3.9%	222,900	142,942	31.5	9.1	62	10%	347,000	193,800
SBT	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.9%	18,800	9,314	17.9	1.5	2,348	8%	31,800	13,300
SSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Tài chính	1.7%	30,900	15,445	12.0	1.7	4,137	56%	44,400	21,900
STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	Tài chính	3.5%	11,100	20,021	13.5	0.8	4,743	10%	17,300	9,670
VCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	Tài chính	4.0%	60,600	218,025	19.3	3.7	2,305	21%	76,500	37,100
VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	Bất động sản	9.3%	101,500	323,950	78.5	7.2	1,520	8%	113,058	39,298
VJC	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Công nghiệp	7.4%	149,500	80,971	15.8	7.6	653	25%	191,167	76,786
VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.1%	125,500	218,551	24.8	8.4	927	59%	179,167	122,667
VPB	Ngân hàng Viet Nam Thịnh Vượng	Tài chính	6.8%	25,350	61,424	9.5	2.2	4,645	23%	40,848	21,008
VRE	CTCP Vincom Retail	Bất động sản	5.8%	36,800	69,960	46.5	2.7	1,275,070	3150%	61,500	35,000

Lịch sự kiện

Ngày GDKHQ	Mã	Sàn	Nội dung sự kiện
26/09/2018	THG	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 (1.200 đ/cp)
26/09/2018	BLN	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (230đ/cp)
26/09/2018	VLB	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)
27/09/2018	TRS	Upcom	Đã thu hồi 3.700 CP ESOP
27/09/2018	SEA	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
27/09/2018	HTV	HSX	Chi trả cổ tức năm 2017 (1.200 đ/cp)
27/09/2018	ST8	HSX	Trả cổ tức năm 2018 (1.500 đ/cp)
27/09/2018	IKH	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (450đ/cp)
27/09/2018	MPC	Upcom	Giao dịch 1.537.150 cổ phiếu niêm yết bổ sung
27/09/2018	DAG	HSX	Trả cổ tức năm 2017 (500 đ/cp), thưởng cp (tỷ lệ 20:1)
27/09/2018	KPF	HSX	Chi cổ tức năm 2016, 2017 (1.000 đ/cp)
28/09/2018	HBW	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (520đ/cp)
28/09/2018	DBH	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (270đ/cp)
28/09/2018	NBP	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.020đ/cp)
28/09/2018	UPC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.200đ/cp)

Liên hệ:

Trụ sở chính

Tòa nhà TNR

Tầng 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.

ĐT: (+84 28) 3914 8585

Fax: (+84 28) 3821 6899

Chi nhánh Hà Nội

Tòa nhà CTM

Tầng 6, 299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: (+84 24) 3974 4448

Fax: (+84 24) 3974 4501

Phòng khách hàng định chế

Lâm Hạnh Uyên

Trưởng phòng khách hàng Định
chế

(+84 28) 3914 8585 (x1444)

uyen.lh@kisvn.vn

Khuyến cáo

Bản báo cáo này do Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS) phát hành với sự đóng góp của các chuyên gia của KIS được nêu trong báo cáo. Báo cáo này được viết nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng là các tổ chức đầu tư, các chuyên gia hoặc các khách hàng cá nhân của KIS tại Việt Nam.

Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh.

Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. KIS không đưa ra, một cách ẩn ý hay rõ ràng, bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này.

Các nhận định, đánh giá và dự đoán trong báo cáo này được đưa ra dựa trên quan điểm chủ quan của chúng tôi vào thời điểm đưa ra báo cáo này và có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần báo trước.

KIS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư hoặc tiến hành các công việc kinh doanh khác cho các công ty được đề cập đến trong báo cáo này. Ngoài ra, KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có liên quan đến việc viết hay phát hành báo cáo này có thể đã, đang và sẽ mua hoặc bán có kỳ hạn chứng khoán hoặc chứng khoán phái sinh (bao gồm quyền chọn) của các công ty được đề cập trong báo cáo này, hoặc chứng khoán hay chứng khoán phái sinh của công ty có liên quan theo cách phù hợp hoặc không phù hợp với báo cáo và các ý kiến nêu trong báo cáo này. Vì thế, nhà đầu tư nên ư thức rằng KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có thể có xung đột lợi ích mà điều đó có thể ảnh hưởng đến nhận định.

Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS.